



Phần 5

MỸ CHÁNH: TUYÊN ÁN NGŨ SAU CÙNG

Vào buổi trưa ngày 2/ 5/ 1972, trong lúc những đoàn người và các cánh quân còn lại ở Quảng Trị đang lần lượt về tới Mỹ Chánh, ban tham mưu của BCH/ Lữ Đoàn 369/ TQLC đã tiên liệu quân địch sẽ không bỏ qua cơ hội cho quân truy kích về hướng Nam. Chắc chắn giặc Cộng sẽ huy động các đơn vị gần nhất tập trung lại và tấn công thẳng vào Mỹ Chánh, nếu chuyện đó xảy ra thì lực lượng phòng thủ Mỹ Chánh sẽ khó giữ được phòng tuyến, đường vào Huế kể như mở ra cho phía địch. Với quan niệm như trên, ĐT Phạm Văn Chung cho đổi trục phòng thủ từ hướng Tây chuyển qua đối mặt về hướng Bắc. Khoảng 2 giờ 30 chiều ngày 2/ 5, TĐ9/ TQLC với TĐT là Th/T Nguyễn Kim Đễ (Đà Lạt); TĐP Đại Úy Phạm Cang (Cam Ranh); cố vấn ThT James Beans; Trưởng Ban 3 Đại Úy Kiều Công Cự (Cô Tô).. đang trấn giữ quanh căn cứ Barbara ở phía Tây - Quốc Lộ 1 được lệnh đem quân ra lập tuyến án ngữ ở cầu Bến Đá. TĐ 2/ TQLC của Tr/T Nguyễn Xuân Phúc (Thái Dương

216, biệt danh “Robert Lửa”); TĐP Th/T Trần Văn Hợp; cố vấn ThT William Sweeney; Đại Úy Merl Sexton... đang bảo vệ Hương Lộ 560 gần căn cứ Barbara cũng nhận lệnh chuyển quân ra QL1, lập phòng tuyến phía Nam cầu Bến Đá khoảng 3km, từ đây rải quân về bờ Bắc sông Mỹ Chánh. TĐ 5/ TQLC do Th/T Hồ Quang Lịch (Quang Dũng) làm TĐT; Th/T Trần Ba TĐP; cố vấn Th/T Donald Price; Trưởng Ban 3 Đại Úy Hồ Ngọc Hoàng thì được lệnh lập tuyến án ngữ ở phía Đông- QL1 và Mỹ Chánh khoảng 2km, nơi có những bãi cát trống trải và đầm nước cạn rất dễ cho thiết vận xa PT- 76 của địch vượt qua. Tiểu Đoàn 1/Pháo Binh/ TQLC do Tr/T Đoàn Trọng Cảo (Can Trường) làm TĐT cũng nhận lệnh chuyển toàn bộ ba pháo đội (18 súng) đại bác 105 ly về bờ Nam sông Mỹ Chánh thiết lập các vị trí đặt súng. Đại Úy Cao Văn Tâm; Tiểu Đoàn Phó TĐ Công Binh/ TQLC được giao trách nhiệm trực tiếp đốc thúc một trung đội công binh gài mìn dày đặc trên cầu Mỹ Chánh, sẵn sàng phá sập cầu này khi có lệnh. Riêng BCH nặng của Lữ Đoàn 369/ TQLC lui về đặt tại chi khu Phong Điền, phía Nam- Mỹ Chánh khoảng 9km và do Tham Mưu Trưởng lữ đoàn là Tr/T Đoàn Thức (Từ Thức) chỉ huy tổng quát. Bộ Chỉ Huy nhẹ của LĐ 369 vẫn nằm lại không xa phía Nam- Mỹ Chánh cùng với ĐT Phạm Văn Chung và vị cố vấn cho lữ đoàn là Th/T Robert Sheridan.

Sau khi được lệnh rời vị trí ở hướng Tây để ra QL1 lập tuyến mới, các tiểu đoàn TQLC nêu trên phải vừa chống trả các đợt tấn công cấp đại đội của địch tại nơi đang đóng quân, vừa di chuyển dưới những cơn mưa pháo dai dẳng của quân thù bám sát theo từng bước chân. Người chưa có kiến thức khái quát về quân sự cứ tưởng rút quân thì cứ theo lệnh mà làm. Thật ra, chỉ nói riêng cấp tiểu đoàn, khi đóng

quân thường đưa ra hai hoặc ba đại đội nằm ra xa bộ chỉ huy, chiếm giữ các vị trí quan trọng. Rồi các đại đội lại cho những trung đội bung ra xa hơn nữa, cứ thế các trung đội lại cho các tiểu đội xé lẻ ra làm tiền đồn để quan sát, phục kích hoặc báo động vv khi địch xuất hiện hay tấn công. Vì vậy khi được lệnh rút quân rời chiến trường mà không có đơn vị bạn yểm trợ, đó là cả một sự tính toán không cho phép sai lầm để gom quân và triệt xuất. Và để giảm thiểu tối đa sự thiệt hại cho đơn vị, từ người chỉ huy cao nhất cho tới binh sĩ đều biết và chấp nhận rằng đôi khi phải hy sinh một đơn vị nhỏ, cấp đại đội, trung đội v.v. sẵn sàng nằm lại đánh giữ chân địch cho toàn đơn vị rút đi (trì hoãn chiến). Lực lượng nằm lại cản địch sau đó cũng triệt thoái vào thời điểm hợp lý đã được dự tính trước đó.

Khoảng 4 giờ chiều 2/5, TĐ 9/TQLC đến bờ Nam cầu Bến Đá, lúc đó bờ Bắc sông Ô Khê không còn đơn vị bạn nào, thỉnh thoảng có vài người dân chạy giặc nhưng bị lạc nạy xuất hiện với áo quần tơi tả và đi xiêu vẹo vì đói khát. Tiểu Đoàn 9/TQLC (lúc này TĐP là Đại Úy Lê Thăng (Thăng Long) chia quân trấn thủ bờ Nam sông Ô Khê với hai đại đội ngay tại cầu, một đại đội giữ sườn phía Tây gần khu vực cầu, một đại đội phòng thủ sườn phía Đông của tiểu đoàn. Vào lúc đó, TĐ 9/TQLC là đơn vị ở xa nhất về hướng Bắc của TQLC nói riêng và của Quân Đoàn I nói chung. Vì thế BCH/LĐ 369/TQLC đã trang bị hỏa lực tối đa cho đơn vị tuyến đầu này, nhiều nhất là ống phóng hỏa tiễn chống chiến xa M-72 và XM-202. Hai TĐ 5 và 2 TQLC ở hướng Nam phải nhường một nửa cấp số M-72 và XM-202 của đơn vị mình để đưa hết ra hướng Bắc cho TĐ 9/TQLC ở cầu Bến Đá.

Lúc 6 giờ chiều ngày 2/5, một toán quân cảm tử 7 người

của TD 9TQLC do Thiếu Úy Hồ Viết Lam (Lam Giang) chỉ huy vượt sông Ô Khê tiến ra hướng Bắc khoảng hơn 100m. Các quân nhân này được trang bị nhẹ với một máy truyền tin PRC-25. Nhiệm vụ của họ là ẩn nấp, quan sát và báo động về tiểu đoàn nếu thấy bộ binh và thiết giáp địch xuất hiện. Khoảng 7 giờ 30 tối toán quân này gọi về cho biết, nhờ có ánh sáng hỏa châu nên họ thấy hướng chân núi bộ binh địch đang di chuyển ra hướng QL1. Lúc 3 giờ 40 rạng sáng ngày 3/5, bên kia sông lại gọi máy về báo đã nghe tiếng máy xe, có thể là thiết giáp địch. Khoảng 4 giờ 15 sáng, toán cảm tử gọi về xác nhận thiết giáp và bộ binh địch xuất hiện cách họ không xa. Ngay lập tức toán quân nói trên được lệnh rời vị trí chạy về cầu Bến Đá. Khi những người lính cảm tử xuất hiện bên kia cầu thì sau lưng họ cũng ló dạng vài chiếc T-54 đang rú ga phóng theo, cả toán 7 người buộc phải nhảy xuống sông Ô Khê để tránh những làn đạn của địch bắn sát phía sau. Dưới giao thông hào ở bờ sông phía Nam, hàng trăm ống hỏa tiễn M-72 đã được kéo thẳng nòng sẵn sàng khai hỏa. Khi những chiếc T-54 thứ nhất đến gần đầu cầu,



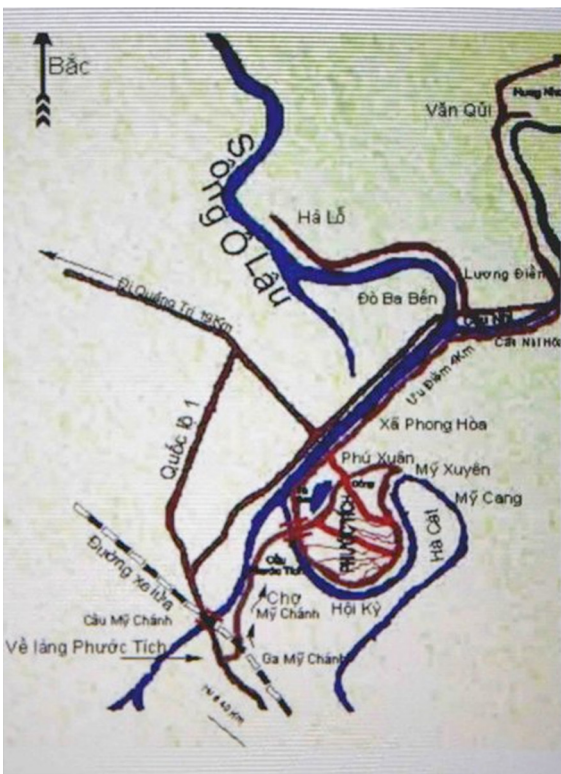
Chiến xa T-54 của Cộng Sản Bắc Việt bị bắn cháy tại chiến trường

hàng loạt tia lửa từ M-72 bay thẳng về phía quân địch làm 3 chiếc đi đầu bốc cháy nhưng chạy luôn qua cầu Bến Đá. Cũng trong lúc đó, đạn hỏa châu và đạn nổ chụp của súng đại bác của hải pháo và từ Mỹ Chánh bắn lên yểm trợ tối đa, cả bãi chiến trường sáng rực như ban ngày cùng những tiếng nổ rung động khắp đất trời.

Trước một hỏa lực quá dữ dội của hơn 700 tay súng thuộc TĐ 9/TQLC, hai tiểu đoàn bộ binh của địch (chừng 300 người) thuộc Tr/Đ 66 (SĐ 304) kể như bị xóa sổ, không một kẻ nào chạy được qua bên này cầu. Thêm 2 chiếc T-54 kế tiếp bị bắn cháy nhưng cũng phóng luôn qua cầu, nguyên do tất cả tài xế của địch chân đều bị xích vào bàn đạp ga nên dù họ đã chết nhưng xe vẫn chạy tới. Sau hơn 30 phút áp đảo quân thù với hỏa lực hùng hậu, 2 chiếc T-54 còn sót lại cùng vài chục lính bộ binh của giặc phải bỏ chạy về hướng chân núi. Lúc trời sáng tỏ, có tất cả 8 chiếc T-54 của Tr/Đ 203 bị bắn cháy, trong đó có 3 chiếc còn ở bên kia bờ sông. Hơn hai trăm xác chết địch bỏ lại cùng với vũ khí nằm ngổn ngang khắp nơi bên kia cầu Bến Đá. Sau khi tháo chạy, giặc Cộng cho pháo binh tập trung pháo kích vào các vị trí của TĐ9/TQLC suốt buổi sáng hôm ấy. Đến khoảng 2 giờ chiều trong ngày, địch đưa Tr/Đ 2 (SĐ 324) từ phía trong núi tiến ra tấn công vào sườn hướng Tây của TĐ9/TQLC. Sau gần một giờ giao chiến, quân cộng sản phải rút lui trước hỏa lực quá mạnh của tiểu đoàn này. Xa về hướng Nam, BCH/LĐ369/TQLC cho rằng phía địch sẽ gom quân để tấn công vào TĐ 9 dữ dội hơn, vì đây là lúc chúng cần phải vượt qua trở ngại này để tiến về Mỹ Chánh. Vì thế BCH/LĐ/369 cho lệnh TĐ9 bỏ cầu Bến Đá rút quân về hướng Nam trước khi trời tối. Đến 6 giờ chiều ngày 3/5, toàn bộ TĐ 9/TQLC đã an toàn về bờ Nam cầu Mỹ Chánh, hai TĐ5 và 2/TQLC sau đó

cũng được lệnh đưa toàn lực lượng về bờ Nam sông Ô Lâu.

Khoảng 7 giờ tối ngày 3/5/1972, cầu Mỹ Chánh được phá hủy, kể từ lúc đó phần đất bao la bên kia sông Ô Lâu kéo dài đến thị xã Quảng Trị kể như tạm rơi vào tay giặc Cộng, nhưng tuyến án ngữ Mỹ Chánh đã được thiết lập. Những người lính tại chiến tuyến này như TQLC; BĐQ; ĐPQ/ NQ; TG; PB v.v đều biết rõ không thể lùi được nữa. Nếu nơi đây không giữ vững, thành phố Huế ở Nam- Mỹ Chánh 36km sẽ thêm lần nữa bị tắm máu bởi quân thù.



Sông Mỹ Chánh có tên vài tên khác là sông Độc, sông Ô Lâu; sông Thác Ma v.v. Khúc sông trong hình thuộc ấp Mỹ Chánh, xã Phong Hòa, quận Phong Điền tỉnh Thừa Thiên. Dọc theo bờ Nam sông này, là nơi vào ngày 3 tháng 5/ 1972 đã trở thành phòng tuyến ngăn chặn quân xâm lăng Cộng Sản Bắc Việt.

Cũng trong ngày 3/5/1972, Th/T Robert Sheridan, cố vấn của LĐ/369/TQLC báo cho vị Lữ Đoàn Trưởng biết là tất cả hỏa lực yểm trợ của Mỹ trong ngày hôm ấy đều dành “Ưu



Tiên 1” cho TQLC ở Mỹ Chánh. Nghĩa là ĐT Phạm Văn Chung được ưu tiên chọn tối đa các mục tiêu của địch để không quân và hải pháo của Mỹ đáp ứng, bao gồm 30 phi vụ không quân chiến lược B- 52, các đơn vị không quân chiến thuật ở Thái Lan và Hạm Đội 7, cũng như tất cả hải pháo hạm đang có mặt ngoài khơi hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên (suốt cuộc chiến, Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương của Mỹ mỗi ngày chỉ dành 30 phi vụ B- 52 cho các chiến trường ở Việt Nam/Cam Bốt/Lào). Xin trích nguyên văn lời kể của ĐT Phạm Văn Chung qua sự kiện này:...”Nhận được sự ưu tiên yểm trợ hỏa lực mãnh liệt như vậy, lữ đoàn không chậm trễ chọn ngay khoảng 20 mục tiêu cho B- 52 oanh tạc ở các nơi nghi ngờ địch đặt kho đạn, điểm trú quân, những cơ sở chỉ huy cao cấp chung quanh khu vực gần QL 1 phía Bắc sông Bến Hải, cùng các mục tiêu ở khu

vực sát QL 9, cửa ngõ chuyển quân từ đường mòn HCM (Lào) xuống những đỉnh cao phía Tây- Quảng Trị. Riêng không quân chiến thuật được tự do đánh phá tất cả các mục tiêu di động, nghĩa là quan sát thấy cái gì động đậy dưới đất là đánh liền khỏi cần hỏi, ngoại trừ những làng mạc, thị xã, ranh giới từ Bắc sông Thạch Hãn đến sông Bến Hải. Riêng từ Nam sông Thạch Hãn đến Bắc sông Ô Lâu, không quân chiến thuật đánh theo nhu cầu của bạn dưới đất có liên lạc và điều hướng”....(trích từ bài Lữ Đoàn 369/ TQLC Trên Sông Mỹ Chánh của Mũ Xanh Phạm Văn Chung).

Sau khi quá một tháng tung ra hơn 50.000 quân luân phiên tấn công vào Quảng Trị, đến đầu tháng 5/ 1972 giặc Cộng đã kiệt sức. Hầu hết các đơn vị tham chiến của địch đều bị tổn thất nặng nề, từ bộ binh đến thiết giáp vv. Trong khi đó nguồn nhân lực là tuổi trẻ ngoài miền Bắc cũng bị gom sạch ở lứa tuổi 14, 15 nhưng cũng không đáp ứng được đầy đủ cho các đơn vị ngoài chiến trường. Nên dù các đơn vị phía Bắc- Quân Đoàn I của Việt Nam Cộng Hòa đã triệt thoái khỏi Quảng Trị, quân địch vẫn không thể tiến xa hơn về phía Nam để chiếm thành phố Huế như mưu kế đã tính trước. Nay bị chặn lại bên bờ sông Mỹ Chánh, giặc Cộng không thể tiến mà cũng chẳng thể lui quân về rừng núi, cả hai con đường đều là lối chết. Giải pháp sau cùng của địch là bằng mọi giá phải “trụ” lại, thà nằm đưa lưng ngoài chỗ trống để “chịu đấm ăn xôi” và chờ cơ hội, hơn là rời bỏ những vùng đất khô cằn vừa chiếm được. Với chiến thuật “đem con bỏ chợ” man rợ của giặc Cộng, quả nhiên thời gian tiếp theo đó các đơn vị của địch đã phải chịu những cơn bão lửa kinh hoàng phủ xuống đầu, đó là lúc Biệt Cách Dù; Nhảy Dù; Thủy Quân Lục Chiến và Biệt Động Quân tổ chức phản công tái chiếm lãnh thổ.

Ngày 3/ 5/ 1972, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bổ nhiệm Trung Tướng Ngô Quang Trưởng làm Tư Lệnh Quân Đoàn I/ Quân Khu I, thay thế Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm. Vì tình hình cấp bách, tướng Ngô Quang Trưởng bàn giao Quân Đoàn IV/ Quân Khu IV cho tân Tư Lệnh là Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, ông cùng vài sĩ quan thân tín đến Huế ngay trong buổi chiều ngày 3/ 5/ 1975.

Ngày hôm sau, 4/ 5, tướng Ngô Quang Trưởng ra lệnh cho thi hành một số biện pháp khẩn cấp như: giới nghiêm trên toàn tỉnh Thừa Thiên, đài phát thanh Huế liên tiếp cho phát bản thông cáo đến tất cả quân nhân bị thất lạc đơn vị phải đến trình diện nơi đồn Quân Cảnh gần nhất, bắt giữ những ai mang vũ khí đi lang thang ngoài đường, bắn tại chỗ những kẻ trộm cướp hoặc gây xáo trộn trật tự xã hội, yêu cầu dân chúng giữ bình tĩnh và không tin những lời đồn thất thiệt vv. Ngoài ra Tr/T Ngô Quang Trưởng cho thiết lập Bộ Tư Lệnh Tiền Phương/ Quân Đoàn I trong thành Mang Cá của Thành Nội Huế (bản doanh cũ của Bộ Tư Lệnh SĐ1/BB, đã dời đến Phú Bài và căn cứ Dạ Lê). Tổ chức họp tham mưu với các cấp tư lệnh, chỉ huy trưởng các quân binh chủng đang có mặt trên tỉnh Thừa Thiên. Tổ chức phối hợp tham mưu Mỹ-Việt và soạn kế hoạch hành động cùng với Bộ Tư Lệnh Yểm Trợ Vùng 1 của Mỹ (First Regional Assistance Command – FRAC) do Thiếu Tướng Frederic J. Kroesen làm Tư Lệnh (người kế nhiệm sau đó là Thiếu Tướng Howard H. Cooksey). Thành lập Trung Tâm Phối Hợp Yểm Trợ Hỏa Lực (Fire Support Coordination Center) và Ban Ấn Định Mục Tiêu (Target Acquisition Element) vv để điều phối và cung ứng các nguồn hỏa lực của Pháo Binh/ Không Quân/ Hải Pháo cho các đơn vị tác chiến đang có mặt trong vùng. Trên đây là phần tóm tắt những gì



Bộ Tư Lệnh Tiên Phương QĐ I ở Mang Cá/ Thành Nội Huế, tháng 5/ 1972.

Trong hình là Trung Tướng Ngô Quang Trưởng và Thiếu Tướng Howard H. Cooksey

mà Trung Tướng Ngô Quang Trưởng gấp rút thực hiện sau một ngày nhận chức Tư Lệnh Quân Đoàn I/ Quân Khu I.

Lúc Quân Đoàn I/ Quân Khu I thay tướng Tư Lệnh, thì các đơn vị tham chiến ở phía Bắc đèo Hải Vân (hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên) từ đầu tháng 4 đến đầu tháng 5/ 1972 đã bị tổn thất qua bản ước tính như sau: Sư Đoàn 1/ Bộ Binh: 7% quân số; SĐ TQLC: 8%; SĐ 3/ BB: 70% (Trung Đoàn 57 và Tr/Đ 2 chỉ còn 40% quân số, Tr/Đ 56 chỉ còn hơn 1.000 quân nhân); Biệt Động Quân (9 tiểu đoàn, hơn 5.000 quân): tổn thất 10% quân số; Địa Phương Quân/ Nghĩa Quân Tiểu Khu Quảng Trị: tập trung và tái tổ chức ở Huế được 5 tiểu đoàn, tổn thất 50% quân số; Pháo Binh: thiệt hại 140 súng đại bác các loại (105/ 155 và 175 ly), tương đương tổn thất 10 tiểu đoàn pháo binh (tính chung của SĐ 1/ SĐ 3/ SĐ TQLC và pháo binh thuộc quân Đoàn

I). Thiết Giáp: Lữ Đoàn 1/ Kỵ Binh với hai Thiết Đoàn 17 và 20, cùng Thiết Đoàn 11 của SĐ3 có tổn thất chung: 1.171 quân nhân tử trận, bị thương và mất tích. Thiệt hại 43 chiến xa M-48, 66 chiến xa M-41, 103 Thiết Vận Xa M-113. Có tới 80% xe thiết giáp bị bỏ lại vì thiếu xăng dầu, hỏng máy hoặc thiếu phụ tùng thay thế vv.



Chuẩn tướng Bùi Thế Lân và các sĩ quan cao cấp của Mỹ sau cuộc họp trong thành nội - Huế về kế hoạch tái chiếm cố thành Quảng Trị năm 1972.

Từ trái qua phải: Trung tướng Robert E. Cushman Tư Lệnh TQLC Mỹ; Đại tá Joshua W. Dorsey cố vấn cho Sư Đoàn TQLC/ QLVNCH; Chuẩn tướng Bùi Thế Lân Tư Lệnh SĐ /TQLC; Trung tá Dwayne Gray cố vấn ở Phòng 1 Quân Đoàn I; Chuẩn tướng Edward J. Miller Tư Lệnh Lữ Đoàn 9 Thủy Bộ TQLC Mỹ tại Quân khu I.

Ngày 4/5/1972, Đại Tá Bùi Thế Lân, Tư Lệnh Phó SĐ/TQLC được bổ nhiệm làm Tư Lệnh SĐ/TQLC, thay thế Trung Tướng Lê Nguyên Khang.

Ngày 5/5, Chuẩn Tướng Nguyễn Duy Hình được chỉ định làm Tư Lệnh SĐ 3/BB, thay thế Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai. Cùng lúc đó những thành phần còn lại của sư đoàn này được tập trung về Trung Tâm Huấn Luyện Đống Đa (gần Phú Bài) để tái tổ chức và tái huấn luyện. Sư Đoàn 3 cũng được lệnh tạm ngưng các cuộc hành quân chiến thuật cho tới cuối năm 1972.

Ngày 5/5, Trung Tướng Ngô Quang Trưởng triệu tập một cuộc họp quan trọng ở Bộ Tư Lệnh Tiền Phương, tham dự buổi họp có các tư lệnh của SĐ 1/SĐ TQLC và cố vấn cao cấp của những đơn vị ở Quân Đoàn I. Cuộc họp này đã soạn ra kế hoạch phòng thủ thành phố Huế, phân chia vùng ưu tiên yểm trợ hỏa lực và khu vực phòng ngự. SĐ 1/BB sẽ tái điều động các đơn vị cơ hữu để chịu trách nhiệm án ngữ chiều ngang ở hướng Tây và Tây Bắc- Huế. SĐ/ TQLC nhận trách nhiệm phòng thủ chiều sâu ở hướng Bắc và Đông Bắc thành phố Huế.

(còn tiếp)

BDQ ĐỖ NHƯ QUYÊN



Tình người **lính Biệt Động**

Phương Lâm

Thương anh quá người chiến binh Biệt Động

Trước đạn thù bất luận Hạ Thu Đông

Trán biên cương thề quyết tử một lòng

Đem an bình cho non sông xã tắc.

Nêu chí dũng vậy vùng trong lòng giặc

Biệt Động Quân tiếng “SÁT” dậy trời Nam

Chiến công anh rực rỡ ánh huy hoàng

Quân hùng sử nét son trang hiển hách.

Tô đậm nét ân tình.

Người đàn ông đoán chừng ngoài ba mươi tuổi, nước da xanh mét, hàm râu tua tủa, mặt mày hốc hác bệnh hoạn, mặc cái quần nhà binh bạc màu, chiếc áo sơ mi không biết màu trắng hay nâu, lấm tẩm nhiều vết nhựa cây dính vào, vai mang chiếc ba lô lính cũ mềm, hai túi hai bên rách toe, đứng tần ngần trước ngôi nhà nhỏ xinh xinh, miệng lẩm

bấm điều gì rồi đẩy cánh cửa gỗ bước vào. Con chó mực, từ đâu đó lao ra, sủa inh ỏi, nhảy chồm lên tấn công, ông ta vẫn đứng yên tại chỗ. Người đàn bà nhỏ con, tóc kẹp đuôi tôm, hai ống quần đen vén cao hơn nửa ống quyển bước ra từ cánh cửa nhà bếp. Nhìn dáng dấp người đàn bà, ông ta biết ngay người này không phải là cư dân ở đây, cũng giống như con chó, bà nhảy đong đong, chỉ tay vào mặt ông, mồm la bai bãi, tiếng hét the thé nặng chịch giọng Quảng Bình rung chuyển cả khu vườn.

- Ai cho ông vô đây, tưởng nhà không có người lên vô cuỗm đồ hả? Ăn mày cũng có tổ tiên ông bà, tại sao không về hương khói cuối năm, mà còn lảng vảng ở đây định dờ trò lơ xọc hả? Xéo mau! Xéo mau! Không, bà gọi công an bây giờ.

Người đàn ông đứng lặng người, ngơ ngác không biết phải nói sao đành trả lời.

- Thừa chị! Tôi vào đây để hỏi thăm người quen.

- Không ai chị em quen biết chi với ông, thứ dân móc túi bến xe, bến tàu, ra khỏi đây mau.

Người đàn bà đẩy ông ra, phụ thêm sức cho bà là con chó mực nhảy chồm theo nhe răng tấp huyệt mấy lần, chủ với chó bên xướng, bên tùy sao mà giống nhau như khuôn rập. Ra khỏi cánh cửa gỗ. Ông đôi lồi xung hô:

- Này bà thím, đây là nhà của tôi, vợ tôi tên là Diệu, họ đi đâu cả rồi mà bây giờ . . .

Mới nói ngang đó, bà trợn to hai mắt như muốn lòi tròng ra ngoài, nhìn người đàn ông lồi thoi lếch thếch nói năng càn rỡ, bà ngắt ngang câu hỏi, trả lời liền .

- Ông là chồng hả, chồng từ kiếp nào, chứ kiếp này thì không phải. Chồng cô Diệu tên là Hát, vợ chồng họ đã bán nhà này cho tôi rồi, được chưa, trộm đồ không được, đặt chuyện nói linh tinh bậy bạ, thôi, làm ơn xéo đi cho bà nhờ.

- Tôi hiểu rồi, cảm ơn .

Vợ chồng Diệu Hát đã bán nhà cho bà ta, hai cái tên như tiếng bom nổ, điếc tai hoa mắt, máu nóng dồn lên não, người đàn ông, hồn vía bay mất, mắt tối sầm, lão đảo trên phố vắng, buổi chiều ngày cuối năm. Ông nghiêng chặt răng, cố dằn tâm nín lặng, nhưng sao nước mắt cứ trào ra, lồng ngực căng phồng khó thở, ông đành buông xuôi theo bản năng tự nhiên của thân xác, ông cho nó tự do muốn khóc thì cứ khóc, ông khóc thảm thiết như lúc hạ huyết người thân, khóc vì chua xót tình đời, khóc vì vỡ tuồng chồng vợ đã diễn ra ngoài suy nghĩ đơn thuần của ông:

“ Em ... nhận anh... làm chồng, hứa sẽ giữ lòng chung thủy với anh, khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi bệnh hoạn cũng như lúc mạnh khỏe, để yêu thương và tôn trọng anh, mọi ngày suốt đời em” ... Đó là lời thề đã thốt ra từ miệng của Diệu, trước đấng tối cao, của người con gái có học hành đàng hoàng, đã nhận ông làm chồng. Ông tức tối, nghĩ mãi không ra, câu hỏi: Tại sao? Tại sao? cứ xoáy trong não ông đau buốt. Người đi đường ngoái nhìn ông, mặc kệ họ, ông khóc vì ông thương ông, thương tình đời tráo trở dồn ông vào ngõ cụt. Như đứa con



nít nước mắt nước mũi lòng thông, đau buồn, căng thẳng đã tuôn ra chảy theo nước mũi, nước mắt quệt vào tay chùi vào vạt áo. Ông hỉ mũi, lấy tay vốc vắt mạnh xuống đường, lỗ mũi thông thở nhẹ nhàng, tâm hồn trở lại thanh thản sau khi chạm đích tột cùng của khổ đau huyệt hẫng, tất cả đắng cay đã rơi theo vốc nước mũi nằm đọng trên mặt đường. Ông bước đi như trốn chạy, không dám quay lại nhìn đồng xú ướ, như cơn lốc xoáy thổi qua, cuốn theo mọi thứ còn lại hoang tàn xác xơ. Đi về đâu giữa chiều ba mươi tết, từ trại tù ra, chỉ còn cái ba lô với bộ đồ tù sọc trắng, sọc đỏ đeo tòng teng sau lưng. Chiều hôm qua tới giờ, chẳng có chút chi trong bụng, tinh thần suy sụp, tim nhói đau, vi trùng sốt rét đang thừa dịp tấn công. Cơn lạnh từ xương sống tràn ra, chạy ngược lên đầu, chạy xuôi xuống hai chân, thân hình co rút, cơn rét giật quặn thất cơ bấp, không thể bước thêm một bước nào nữa. Ông tựa lưng vào trụ đèn đường run cầm cập rồi thiếp đi trong tột cùng mỗi mết, ông nằm đó không biết đã bao lâu, tai mơ hồ nghe tiếng người nói, lúc xa lúc gần.

- Hết chỗ chết rồi hay sao mà tìm tới trước cửa nhà tôi thế này.

Họ đá mạnh vào hông, thử coi chết chưa, cánh tay nặng nề, ông đưa lên dụi mắt, tiếng người đàn bà vui vẻ nói:

- May quá, chưa chết, nhà cửa đâu, không lo về kiếm ăn, giờ này ai mà cho.

Tay run rẩy mò túi áo trên ngực, móc ra tờ giấy, đưa cho bà ta, thều thào qua hơi thở:

- Tôi không phải là ăn xin, tôi từ trại tù cải tạo mới được thả về, giấy ra tù của tôi, bà coi đi, tôi bị lên cơn sốt rét đi không nổi nên nằm đây, tôi quá kiệt sức vì hôm qua tới giờ, không có chi trong bụng. Bà ta cầm tờ giấy đi vào nhà, một lúc sau ra lại với hai người con gái. Bà ta nói:

- Xin lỗi ông, thời buổi này chẳng biết tin ai. Vợ chồng

cũng còn bán đứng nhau, huông chi người lạ. Chúng ta cùng cảnh ngộ. Ông may mắn được về, còn chồng con tôi đang bị nhốt ngoài Hà Nam Ninh. Ông vào trong sân nhà tôi, đợi một lát, tàn nén nhang, mời dùng tạm bữa cơm. Gia đình chật vật, nhưng cũng cố gắng cúng lễ ngoài trời để xin bình an cho chồng con trong trại tù, không biết ngày nào mới được thả.

Mâm cơm cúng đặt vào hàng hiên, ông ngồi vào chiếc ghế mũ thấp, bung chén cơm, múc mấy muỗng canh măng chan vào, gấp cục thịt heo kho tàu cho vào chén. Ông ăn chỉ chừng đó, đặt chén đĩa xuống. Bà chủ nhà ngạc nhiên hỏi:

- Ông đang đói, tại sao không dùng thêm.

Ông thưa với người đàn bà tốt bụng:

- Trong trại tù, mỗi bữa ăn, đơn vị chia cơm là muỗng, lâu ngày bao tử hẹp lại, cơm ngon như thế này cũng không thể dùng nhiều hơn. Ông đứng dậy, nói:

- Cám ơn bà đã cho bữa ăn. Đây là bữa tiệc đầu đời của tôi, tôi xin ghi nhớ suốt đời.

Tôi cũng cầu chúc cho Ông và các anh sớm thoát khỏi cảnh tù đày. Lần nữa, tôi xin cám ơn bà, chúc bà năm mới mọi điều như ý.

Ông trở lại con phố vắng, bây giờ, đầu óc tỉnh táo, giải phóng. Đúng, ông đã được giải phóng sạch sẽ, chỉ còn cái mạng, người không ra người, ma không ra ma.

Không thể nào quên được hình ảnh người đàn bà, lúc chiều, mẹ ta đã góp công giải phóng đời ông. Ông vừa học trong trại tù, ưu việt của xã hội chủ nghĩa là không có giai cấp, mọi người bình đẳng, thế mà mẹ này coi ông là rác rưởi, còn gán cho ông là loại lưu manh, móc túi, đầu đường xó chợ. Mới hội nhập vào xã hội này, chưa đầy hai mươi tư giờ, đã gặp oái oăm như vậy, còn lâu dài về sau, không biết sẽ ra sao. Họ cho ông là rác, nhưng ông không dám đặt

mình nằm trên rác, đi qua nhiều đường phố nhưng không tìm được nơi nào gọi là an toàn có thể nghỉ lưng qua đêm. Ông chợt nhớ tới một chỗ, chắc chắn nơi đó sẽ cho ông một giấc ngủ ngon lành. Đó là hành lang bệnh viện. Thân hình ông chẳng khác gì xác chết biết đi, nên chẳng ai lưu tâm dòm ngó. Hành lang bệnh viện dài hun hút, đêm nay vắng lặng, có lẽ bệnh nhân đã về ăn tết. Ông đi quanh một vòng, chọn góc khuất để khỏi thấy ánh đèn vàng hiu hắt, đèn điện đường của bên thắng cuộc cũng khác thường, không chiếu sáng xanh mà lù mù vàng đục, có lẽ họ sợ ánh sáng chẳng? Rút tấm ny lông rách từ túi ba lô, trải xuống nền xi măng, hai bàn tay gầy guộc vuốt mấy góc rách ra cho phẳng. Tiếng kêu sột soạt của tấm nhựa lâu ngày biến chất hình như nó cũng đang than thở muốn về hưu, ông lầm bầm:

- “Chỉ có mày là người bạn trung thành của tao, đã bao nhiêu năm gắn bó, từ tấm nguyên, bây giờ bươm ra như tàu lá chuối, mày và tao qua nhiều chặng đường gian khổ, tao già, mày cũng già, tao gần chết, mày cũng te tua, mày xơ cứng như thân hình khô đét của tao. Đặt cái ba lô làm gối, ngả lưng nằm thử, ngửa mặt nhìn trời đen đặc quánh của đêm trù tịch. Ông ngồi lên, rút tấm vải được cắt ra từ cánh tay chiếc áo cũ làm khăn mặt nhét bên túi ngoài ba lô, đi tìm nhà vệ sinh để kiểm nước rửa. Đất nước xã hội chủ nghĩa, cái gì cũng khác với xã hội bình thường miền Nam. Nhà vệ sinh của bệnh viện, thấy mà khiếp, nền nhà ổ gà, ổ voi cùng khắp, rác xả, nước đọng không thua chi bãi chợ cá về chiều, vòi nước chảy yếu ớt, màu vàng vàng, hôi mùi phèn chua rỉ sét. Ông rung mình lờm lợm, vò chiếc khăn thấm nước, vắt ráo, lau lên mặt, cảm giác lạnh lan nhanh làm cho ông tỉnh táo hẳn ra, mỉm cười một mình, tối nay giao thừa mai mồng một tết. Trở lại chỗ ngủ, đứng nhìn quanh, ông nghĩ mình đã đi lộn chỗ, nhưng không, ông nhớ không lầm, ông

chọn nơi khuất bóng đèn chính là góc này, ông không nhầm chỗ, nhưng đồ ngủ ông trải ra, ai đó đã dọn nhầm. Ông thần nhiên ngồi xuống, lẩm bẫm một mình:

- Còn cái mạng này sao không ai hốt nhầm đi cho luôn.

Lưng đặt xuống nền xi măng lạnh, đôi dép râu mòn gót làm gỏi, muỗi bắt đầu tấn công, ông ngồi lên, với tay bẻ nhánh cây vơ vơ đuôi bày muỗi, dựa lưng vào góc tường, mở to mắt nhìn khối đen dày đặc, suy nghĩ ngày mai của mình không ánh sao, tối đen đặc quánh như đêm nay, đầu đó tiếng pháo giao thừa vọng lại, đầu óc trống rỗng, cảm nhận mong manh hôm nay ngày ra tù cũng là ngày Tết. Ông lẩm râm cầu nguyện:

Con dâng Mẹ tất cả

Họa phúc cõi phù du

Vui buồn như gió thoảng

Xin Mẹ phút bình an.

Rồi đêm trừ tịch cũng qua. Ông đứng dậy, vron vai, đếm từng bước, đi ra cổng. Bây giờ, rất thoải mái, không còn chút gì vương bận tay chân, đúng câu nói người đời hay ví von “mình trần thân trụ”. Chân như cái máy, bước về phía trước, nhưng không biết đi đâu. Hôm nay, ngày mồng một, xe tàu không có, người ta có quê để về, còn ông, nơi gọi là chòm khế ngọt, ông đã lìa bỏ lúc còn tấm bé, muốn về cũng không biết mô mà về. Người thân duy nhất là gia đình ông bác. Lần đầu tiên, Diệu vô thăm nuôi, cho biết gia đình bác đi đâu không biết, nhà bỏ trống lâu ngày, Phường đã tịch thu nhà rồi. Ông nát óc suy nghĩ, đi đâu, làm gì, sống ra sao, trong túi không có một hào bạc, bộ áo quần mặc trong người năm lã, năm lóc, hình như đang bốc mùi. Ông ra đứng trước góc cửa bệnh viện, hai mắt mở to nhìn đường, nhưng không cảm nhận được chi và chẳng thấy chi trước mặt.

- Anh Lữ! Trung úy Lữ!

Có ai đó gọi ông. Ông quay lại nhìn người vừa gọi. Người thanh niên ngồi trên chiếc xe Honda, mỉm cười gật đầu chào ông, ông cúi đầu chào lại. Người đó dựng xe vào lề đường đến bên ông hỏi:

- Xin lỗi anh, có phải Trung úy Lữ trước ở Quân y Biệt Động Quân không? Ông gật đầu trả lời:

- Phải! Sao anh biết tôi.

Người thanh niên trả lời:

- Chắc anh quên em, em là Chuẩn úy Thành, thuộc Liên Đoàn 15 Biệt động Quân. Lúc đó, em bị thương, gãy xương quai xanh vai phải, anh đích thân cấp cứu, đưa thẳng em về Quân y viện Duy Tân.

- Nhiều anh em quá, tôi không nhớ hết.

Thành nói tiếp:

- Em cảm ơn anh, sau thời gian điều trị, được xuất ngũ là đi luôn không có dịp quay lại đơn vị. Người đàn ông nói:

- Nhiệm vụ mà nói chi chuyện ơn nghĩa.

Thành nhìn ông từ đầu tới chân hỏi:

- Sáng mồng một, anh đến đây làm chi mà sớm vậy, bộ anh đang chờ người để vô thăm ai nằm trong bệnh viện phải không, anh cần chi trong bệnh viện, em nói vợ em giúp vì vợ em làm việc trong đó.

Ông nói:

- Mình đứng đây chứ không chờ ai hết.

- Đứng đây làm chi?

- Đêm hôm qua, ngủ trong hành lang bệnh viện, sáng nay thức dậy, không biết đi đâu, ra đứng đây, coi thiên hạ.

- Anh giỡn chơi hay nói thật.

- Cứ nhìn con người mình, thì biết nói chơi hay thật. Mình từ trại tù về, ngày hôm qua, ba chân bốn cẳng chạy về nhà ăn tết với vợ, không may vợ mình lấy chồng khác còn

bán nhà của mình. Mình không biết đi đâu, đêm hôm qua vào ngủ trong hành lang bệnh viện, tấm ni lông trải để nằm ngủ, cái ba lô rách để làm gối, trong có cái mùng muỗi và chẳng vá đụp với bộ đồ tù, mình đi rửa mặt ra, đã biến mất. Gia tài của mình chừng đó, bây giờ không còn chi hết.

- Từ trại tù về hèn chi, em ngờ ngờ không biết phải anh không, ngày trước phong độ điển trai bây giờ anh ra thân thể như vậy, em gọi đại, té ra đúng là anh.

- Thành tới đây làm chi sớm thế.

- Em chở vợ em tới trực, chiều tới đón.

Thành nói tiếp:

- Nếu anh không biết đi đâu, em mời anh về nhà em ăn Tết. Nếu không có chỗ ở thì ở lại với gia đình em, qua tết rồi tính sau, nhà em rộng lắm chỉ có hai vợ chồng với đứa con gái năm tuổi. Suy nghĩ một lúc, ông trả lời:

- Có phiền lắm không? Thật lòng, mình cũng không biết tính sao trong hoàn cảnh này. Nếu được Thành giúp, mình xin cảm ơn trước. Ông leo lên xe Thành chở về nhà, lột bỏ những gì của trại tù còn lại trên người. Thành mang cho ông một số áo quần của Thành để ông thay đổi, đưa ông vào căn phòng đầu hồi Nam, có cửa thông ra vườn. Thành nói với ông:

- Phòng này bỏ trống nhiều năm, nhà đơn chiếc quá cũng buồn, con bé của em, ban đêm không dám ngang qua đây, bây giờ có anh, chắc nó hết sợ, thêm một người, nhà thêm ấm cúng. Thành nói tiếp:

- Đi ngang qua phố, anh thấy bà con mình ăn Tết không? Tròn một năm gọi là Tết, chứ thật sự có Tết nhất chi đâu, anh nhìn thiên hạ, anh thấy rồi đó, đôi xanh mặt với nhau, nhà nào kha khá, làm một hai mâm đại khái nhớ ngày, còn lại thì đắp chiếu nằm chờ qua ngày mùng Một, lăn ra đường kiếm ăn. Thế mà năm nay có khá hơn mấy năm trước nhiều, cũng có chút hơi hám của ngày Tết. Đất nước, ngày càng

lụn bại thê thảm lắm anh ơi, ngồi trong tù anh không thấy, bây giờ ra đây, dần dần anh sẽ thấy bao nhiêu tai ương khôn nạn kêu trời không thấu, dân mình ngậm đắng nuốt cay, xã hội này bọn họ ghét cay ghét đắng anh em mình, bây giờ ở đây còn sót lại một vài anh em không cảm thông chia xẻ, không giúp nhau trong cơn hoạn nạn thì còn chi tình nghĩa, huynh đệ chi binh là chi, anh em mình cùng một màu áo cùng đơn vị, anh còn là ân nhân của em, có chết cũng bảo bọc anh, nói với anh như vậy để anh an lòng đừng áy náy, đừng sợ phiền hà chi hết. Ông cảm động nói:

- Thành giúp cho mình được ngày nào hay ngày ấy, chứ bây giờ rời khỏi nhà Thành, mình cũng ra đứng đường, ngủ bờ, ngủ bụi, không chừng chết đói ở góc xó nào đó. Thành nói:

- Đây cũng là cơ duyên của anh em mình, thôi anh tắm rửa, em chuẩn bị đồ ăn, anh em mình ăn sáng rồi anh đi ngủ, chớ đêm qua chắc không ngủ ngáy chi được, đau thương phiền muộn gì cũng gác qua một bên, trước mắt ổn định sức khỏe đã. Thấy thân hình và nước da của anh, em biết anh đang bị sốt rét nặng, trị xong bệnh sốt rét, lấy lại phong độ, đẹp trai như anh thì ôi thôi, em còn nhớ ở đâu đó có câu:

“ Em về điểm phấn tô son lại, ngạo với nhân gian một nụ cười”. Đắt nước như vậy thì mình cũng đành cắn răng chấp nhận để sống, chứ biết làm sao hơn. Vợ Thành đi làm về, chuẩn bị xong bữa cơm chiều. Thành vào đánh thức anh dậy. Anh thấy áy náy vô cùng, bất cứ việc gì trong gia đình phải thuận vợ, thuận chồng, chứ chồng cứ đem luật gia, trương ra áp đặt, bắt vợ phải phục tùng ý của mình, đặt mọi việc trước sự đã rồi, vợ chồng sinh ra lủng củng, bất hòa, không biết mình có đem tới cho vợ chồng Thành sự bất an trong gia đình không. Anh mau mắn theo Thành ra bàn ăn, vợ Thành đứng lên chào anh, quay qua nhắc con gái:

- Khánh, con đứng dậy chào bác đi con.

Con bé đứng lên, khoanh tay chào bác. Lữ trả lời:

- Khánh ngoan, con ngồi xuống, Chào thím Thành.

- Dạ em chào anh, mời anh ngồi.

Họ ngồi vào bàn ăn, vợ của Thành lên tiếng:

- Anh Thành đã nói cho em biết hoàn cảnh của anh, nếu nghe người ta nói lại thì ít ai tin đó là sự thật, nhưng mà đây là sự thật, một sự thật ngoài suy nghĩ của em, em xin chia sẻ hoàn cảnh không may của anh, vợ chồng em đã bàn với nhau, anh yên tâm ở lại với gia đình chúng em, nhà rộng, phòng bỏ trống nhiều năm, tối bữa ăn, thêm một cái chén, chỉ trong khoảng một hai tuần là sức khỏe bình thường, lúc đó ai làm nấy ăn. Là ngành Y, anh cũng biết bệnh sốt rét không khó điều trị, em nói vậy cho anh an tâm đừng suy nghĩ chi thêm, anh cứ coi tụi em là em của anh. Lữ trả lời:

- Cám ơn lòng tốt của chú thím, không nhờ chú thím cứu mang tôi trong hoàn cảnh bi đát này, tôi không biết làm sao lo cho thân mình. Thành nói:

- Như vậy, anh đã hiểu vợ chồng em rồi, anh an tâm, đừng suy nghĩ chi hết, thôi mình ăn cơm. Sau bữa cơm, vợ Thành nhắc:

- Mồng bốn, cơ quan nhà nước làm việc, anh Thành đưa anh ra phường, trình giấy tờ. Theo em nghĩ, anh cũng nên viết tường trình về hoàn cảnh của anh để cắt đứt quan hệ trên pháp lý của anh với chị ấy, mình không lường trước được việc gì sẽ xảy ra trong tương lai, việc kia chị làm được thì bất cứ việc gì chị cũng có thể làm, để tránh rắc rối cho anh về sau, anh nên suy nghĩ ý, của em, nếu cần nhân chứng, có vợ chồng em đây.

- Cám ơn thím nhắc, không thì tôi đã quên tờ giấy hôn thú, tôi sẽ viết tờ trình và nhờ chú thím giúp làm chứng. Sau hai tuần điều trị bệnh sốt rét, chuyen thêm hai bình đạm, Bây giờ Lữ thấy trong người khỏe, chưa được như lúc

trước, nhưng cũng gằn gằn. Trong bữa cơm tối, anh trình bày với vợ chồng Thành ngày mai sẽ đi tìm việc làm, vợ của Thành nói:

- Ở trong nhà, anh cũng thấy rồi đó, em ngoài việc trong bệnh viện, về nhà, còn chích thuốc chữa bệnh cho bà con, thời buổi Bác sĩ, y tá trong rừng ra, bà con không tin vào trình độ chữa trị của họ, họ biết mình cán bộ y tế của miền Nam là tìm tới nhờ giúp, mình giúp họ thì lấy tiền, em thì giờ không có, ở ngoài để kiếm tiền, nhưng không thể bỏ bệnh viện được, lương tiền không bao nhiêu mà phải đeo bám giữ chân cán bộ nhà nước, có vậy địa phương mới không kiếm chuyện vì mình là dân miền Nam. Anh khỏi đi tìm việc chi hết, em cho anh mượn vốn, anh ra chợ trời làm quen với các chủ sạp dặn họ để dành thuốc Tây cho anh, anh biết thuốc và biết công dụng, quan trọng là thuốc trụ sinh, còn hạn, hết hạn chi anh hốt hết về đây em có thị trường tiêu thụ, em sẽ giới thiệu cho anh một vài người quen, bà con họ đồn nhau thì anh chạy không kịp, mình làm chui, chịu khó đi quanh đã, lần lần rồi ngồi nhà. Lữ thắc mắc:

- Chợ trời mà cũng có bán thuốc Tây sao?

Vợ Thành trả lời:

- Anh ở tù, anh không biết các nhà thuốc Tây bị nạn cải tạo công thương nghiệp đánh tư sản mại bản, họ bị gán tội đầu cơ tích trữ, bị đóng cửa tịch biên tài sản, nguồn thuốc tịch thu này nếu ăn được, họ ăn rồi, ăn không được mà dùng thì không dám, nên thò ra chợ trời kiếm đồng nào hay đồng ấy, đó là một nguồn, Nguồn thứ hai từ các bệnh viện Quân y cũ và các kho thuốc của Quân đội, Y Bác sĩ giải phóng chuyên dùng lá cây, bây giờ gặp thuốc Tây, tên đọc không ra thì làm sao mà dám cả gan dùng, anh tha hồ mua, rẻ như khoai sắn, anh cứ trả một phần ba giá họ đưa ra, ví dụ mười đồng anh trả ba đồng rồi lên tí xíu là họ bán

ngay. Theo hướng dẫn của vợ chú Thành, anh Lữ bắt đầu nhập cuộc. Trước tiên, anh khẳng định, thầy thuốc bất cứ hoàn cảnh nào thì y đức vẫn đi đầu, đó là lương tâm của Y bác sĩ miền Nam, vì vậy nên được bà con tín nhiệm, gần xa gì cũng tìm tới, vừa giúp bà con mình mà cũng tự lo cho đời sống. Lữ mang ơn sâu nặng vợ chồng Thành nhờ gia đình này anh mới có cuộc sống hôm nay. Lữ không tiếc bất cứ gì anh có, là một thành viên của gia đình, chúng tỏ mình là người anh lớn, Lữ cùng ghé vai chăm lo gia đình, giúp cho vợ chồng Thành, cuộc sống gia đình êm ả, rộn tiếng cười, ngập tràn hạnh phúc. Nhiều lần, vợ chồng Thành nhắc anh lập gia đình, giới thiệu một vài cô bạn thân quen cùng làm việc trong bệnh viện cho anh, nhưng anh nói:

- Nghe tới chữ vợ là anh rùng mình. Anh nghĩ khi nào đầu óc bình thường, không còn sợ chữ “Vợ” nữa, lúc đó mới nói chuyện lập gia đình. Hơn nữa, luật đạo không cho phép kết hôn khi người phối ngẫu của mình còn sống. Vợ Thành nói:

- Khi đầu óc bình thường và có phép lấy vợ, lúc đó anh già rồi, ai mà ưa anh nữa.

- Có sao đâu, không ai ưa thì ở với chú thím như bây giờ.

Rồi chương trình HO râm rang khắp đây đó, vợ chồng Thành thúc hối anh lập thủ tục nhanh, vì mất lòng tin vào chế độ, hôm nay họ nói vậy chớ ngày mai chưa biết ra sao, cơ hội tới là nhanh tay chụp giật. Nhờ vậy mà anh được gọi phỏng vấn HO.

2, ra đi, tình trạng độc thân. Ngày chia tay, buồn nhiều hơn vui. Anh không dám hứa hẹn điều gì vì chưa biết cuộc sống mới trên nước Mỹ ra sao, nhưng lòng anh ước ao một mái ấm gia đình, cùng chung sống với vợ chồng Thành như mấy lâu nay đã sống. Anh đi diện đầu trực được bảo trợ về tiểu bang Ca Li. Trong suốt thời gian hưởng trợ cấp của

chính phủ, anh dốc tâm vào việc học, rồi kiếm việc làm

Cuộc sống hiện tại của anh không mấy khó khăn vì anh đã quá trưởng thành trong lò đào tạo giải phóng miền Nam. Anh thầm cảm ơn người làm tổn thương anh. Nhờ bài học đó mà anh đã tôi luyện ý chí, cảm ơn người vợ đã lừa dối anh, cho anh bài học kinh nghiệm làm người, cảm ơn vợ chồng Thành đã cuu mang anh, anh thường xuyên thư về thăm hỏi. Về trường hợp của gia đình Thành, bạn bè mách bảo, muốn đoàn tụ, chỉ có một cách cưới con gái của Thành rồi sau đó, con bão lạnh cho cha mẹ. Anh viết thư gửi về cho vợ chồng Thành, trình bày ý nghĩ này, đợi khi Khánh tròn hai mươi, anh sẽ xin giấy, về kết hôn, đương nhiên là kết hôn giả. Đó là con đường duy nhất cho gia đình mình đoàn tụ. Thời gian không ngừng lại, vắn tí tách trôi hết ngày qua tháng lại, hết tháng qua năm, anh đã thi nhập Quốc tịch Mỹ, cũng đúng năm Khánh con gái của vợ chồng Thành tròn hai mươi tuổi. Như dự tính, anh trở về làm giấy kết hôn và gần hai năm sau, Khánh được qua Mỹ. Theo trình tự di trú, sau ba năm, Khánh nhập quốc tịch Mỹ, làm giấy bảo lãnh cho cha mẹ theo diện đoàn tụ. Vợ chồng Thành phỏng vấn xong, anh mua vé máy bay về đón họ qua Mỹ. Sắp xếp việc nhà đâu vào đó, anh đề nghị thuê xe đi từng đoạn từ miền Trung về Sài Gòn, ghé lại các thành phố trên đường đi, thăm chơi, tới đâu nghỉ đó, coi như một chuyến du lịch đường dài. Xe họ ghé lại thành phố Nha trang, trước một nhà hàng trên đường Duy Tân, chạy dọc theo bãi biển với hàng dừa, hàng phi lao xanh mướt, gió biển mát lạnh, tiếng thông reo hòa tiếng sóng rì rào từng nhịp vỗ vào bờ cát như đang hát. Cửa xe trước mở, vợ Thành chuẩn bị bước xuống, năm bảy cô gái trước ngực mang hộp gỗ khá to đựng đủ thứ, gương lược, dầu gió, kẹo cao su, kính đeo mắt, tóm lại một cửa hàng tạp hóa nhỏ di động. Họ chận lối, nhao nhao

mời mua, mấy người gõ hai bên cửa kính sau băng Thành và anh ngồi, ra dẫu chỉ chỏ vào hộp gỗ. Anh giật mình, nhìn kỹ người phụ nữ gõ cửa phía bên Thành, cái mũ xanh xám rộng vành, dải khăn voan hồng cột trên đầu xuống cổ làm quai, hai vành mũ hai bên che khuất gần hết khuôn mặt, còn lại bộ lông mày, hai con mắt, sóng mũi, miệng và cằm, chỉ chừng ấy anh vẫn nhận ra người đó là ai, anh ghé qua nói với Thành, hai em và chú tài xế vô trước, anh ngồi lại một lát, sẽ vô sau, hai em gọi thức ăn, nếu anh vô chưa kịp thì cứ dùng trước dùng đợi.

Lữ ngồi lại trong xe một lúc đợi mấy chị bán hàng rong tản mát, anh lấy khăn lông trùm đầu đi nhanh vào nhà hàng. Suốt bữa ăn, anh không nói gì, thái độ bất thường, khác hẳn mọi khi. Vợ Thành áy náy hỏi:

- Anh Lữ! Có chuyện chi mà trông anh khác khác, buồn buồn.

Anh im lặng rất lâu rồi mới nói:

- Không có chi cả, vừa rồi trong mấy chị mời mua hàng, anh thấy Diệu vợ của anh.

Vợ Thành nói:

- Anh nhìn kỹ chưa, hay nhìn lầm ai đó.

Anh trả lời:

- Đúng là cô ấy, không lầm ai khác.

Vợ Thành hỏi tiếp:

- Bây giờ sao anh?

Anh vừa cười vừa nói:

- Để anh kê cảnh sát bắt cô ta, tội lừa tình, lừa tài sản, chỉ có vậy thôi, chứ biết làm sao. Nói cho vui, chứ thật tình, thấy cô ấy, anh cũng xao xuyến trong lòng, giận cũng rồi, ghét cũng rồi, tất cả đã qua, điều thắc mắc, chồng cô ấy đâu, Diệu có học tại sao không kiếm việc chi làm mà đi bán hàng rong tội nghiệp như vậy.

Vợ Thành góp ý:

- Gặp nhau một lần cũng là bạn, hưởng hồ mấy năm chung sống, tình nghĩa phu thê, hết tình thì còn nghĩa, chị ấy đã làm việc trái đạo lý, tội ấy đương nhiên là phần của chị ấy, còn anh, anh có mắc nợ chị mà anh lo, theo em, anh tình bơ gặp chị ấy, mọi chuyện cứ xuôi theo tự nhiên. Lữ nói:

- Anh ngồi lại trên xe suy nghĩ, nên mở cửa bước ra gặp, hay ngồi nán lại tránh đừng gặp. Rồi quyết định tránh không gặp, đó là giữ lại chút tình với cô ấy, gặp anh, cô ấy có đủ can đảm nhìn anh không? Vui cười hay đau đớn vì tội lỗi mình đã làm, anh gửi thím ít tiền tìm cô bán hàng đội mũ vải có khăn voan đỏ làm quai, cột từ trên xuống cổ, gửi tý quà cho cô ấy, đừng nói tiền của anh. Vợ Thành đồng ý đi tìm gặp Diệu, họ nói chuyện cả tiếng đồng hồ. Trở lại, vợ Thành cho biết:

- Như suy nghĩ của anh, nếu anh tới gặp chị ấy, vì mặc cảm tội lỗi, chị ấy không dám đối diện với anh, chị ấy nói nếu cuộc đời suông sẻ như ý mình muốn thì đâu còn là cuộc đời. Sự phản bội, lừa dối của chị ấy, chị ấy đã trả giá quá đắt, chị ấy gửi lời xin lỗi anh, mong anh tha thứ cho chị ấy, chị ấy né tránh nói đến cuộc sống hiện tại và gia đình của chị ấy. Họ tiếp tục hành trình, đã đến Hoa Kỳ theo chuyến bay mua vé trước. Mái ấm gia đình rộn rã tiếng cười vui như ngày nào. Vợ Thành liên lạc thường xuyên giúp đỡ cho Diệu. Lữ biết điều đó, thỉnh thoảng chia sẻ tý quà nhờ vợ Thành chuyển. Lữ nói với vợ Thành:

- Nhờ thím chuyển lời, Diệu cần gì, anh sẵn sàng giúp.

Phương Lâm